

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **52/2022/DS-PT**

Ngày: 11 - 3 - 2022

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chung.

Các Thẩm phán:

Ông Y Phi Kbuôr

Bà Đinh Thị Tuyết

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Thùy – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Đăk Lăk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đăk Lăk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đăk Lăk mở phiên tòa xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 253/2021/TLPT-DS ngày 17 tháng 11 năm 2021, về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 102/2021/DS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2021 của Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đăk Lăk bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2022/QĐPT-DS ngày 13 tháng 01 năm 2022.

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Kim N, sinh năm 1972 (vắng mặt);

Địa chỉ: Đường N, thành phố B, tỉnh Đăk Lăk;

Người đại diện theo ủy quyền:

- Bà Đặng Tiểu L, sinh năm 1991 (văn bản ngày 23/01/2021), vắng mặt;

Địa chỉ: Đường Y, thành phố B, tỉnh Đăk Lăk.

- Bà Văn Thị Mỹ H1, sinh năm 1991 (văn bản ngày 18/01/2022), có mặt;

Địa chỉ: Thôn H, xã E, huyện C, tỉnh Đăk Lăk.

2. Bị đơn: Bà Ngô Thị H, sinh năm 1969 (vắng mặt);

Địa chỉ: Đường X, thành phố B, tỉnh Đăk Lăk.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1969 (có mặt);

Địa chỉ: Buôn H, xã K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng T, sinh năm 1964 (văn bản ngày 22/12/2021), có mặt;

Địa chỉ: Đường A, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

4. Người kháng cáo: Bị đơn bà Ngô Thị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn L.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm, nguyên đơn bà Lê Thị Kim N và người đại diện theo ủy quyền trình bày có nội dung như sau:*

Do quen biết nên bà Lê Thị Kim N nhiều lần cho bà Ngô Thị H vay tiền làm ăn. Cụ thể các lần vay như sau: Lần 1: Ngày 10/9/2019, bà Ngô Thị H vay số tiền 770.000.000 đồng, hẹn trong vòng 1 tháng sẽ trả. Lần 2: Ngày 10/02/2020, bà Ngô Thị H vay số tiền 533.600.000 đồng, hẹn trong vòng 01 tháng sẽ trả (tức trong tháng 03/2020 sẽ trả); Lần 3: Ngày 10/3/2020, bà Ngô Thị H vay số tiền 617.000.000 đồng, hẹn ngày 10/4/2020 sẽ trả. Các bên thoả thuận lãi suất theo quy định của pháp luật nhưng không ghi vào giấy vay tiền.

Khi vay tiền, bà H có tín chấp cho bà N giữ 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản gốc số K 216253 do Ủy ban nhân dân thành phố B cấp ngày 14/7/1999; 01 Giấy chứng minh nhân dân bản gốc mang tên Ngô Thị H và 01 Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn giữa bà Ngô Thị H và ông Nguyễn Văn L. Đến nay, đã quá thời hạn hẹn trả nợ nhưng bà H không trả cho bà N số tiền nợ nào.

Vì vậy, bà N khởi kiện yêu cầu bà H phải có nghĩa vụ trả cho bà N tổng số tiền nợ gốc là 1.920.600.000 đồng và tiền lãi suất chậm trả theo quy định của pháp luật tính từ ngày khởi kiện (ngày 16/12/2020).

** Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Ngô Thị H trình bày có nội dung như sau:*

Ngày 10/8/2019, bà H có vay bà Lê Thị Kim N số tiền 200.000.000 đồng để chuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Nguyễn Văn L ở buôn H về. Sau đó, bà H có vay thêm số tiền 20.000.000 đồng. Khi vay tiền, bà N giữ luôn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên. Theo thoả thuận, mỗi tháng bà H trả cho bà N 12.000.000 đồng tiền lãi (tức là 01 ngày/4.000 đồng/1 triệu đồng). Bà Hợp đã trả cho bà N được 05 tháng lãi. Bà N bắt bà H viết giấy nhận nợ gốc và lãi, giấy nợ cũ thì bảo quên ở nhà nên bà không lấy lại được. Do đó, bà H chỉ vay bà N số tiền 220.000.000 đồng vào tháng 8/2019, không vay số tiền 1.920.600.000 đồng như bà N khởi kiện.

** Quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn L và người đại diện theo ủy quyền của ông L là ông Đặng T trình bày có nội dung sau:*

Trước đây, ông Nguyễn Văn L và bà Ngô Thị H là vợ chồng nhưng đã ly hôn năm 2020. Trong thời gian chung sống, bà H đã lấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 216253 do Ủy ban nhân dân thành phố B cấp ngày 14/7/1999 mang tên hộ ông để thế chấp vay tiền, nay ông mới biết người cho bà H vay tiền là bà N. Việc vay mượn tiền giữa hai bên thì ông không biết. Ông không liên quan gì trong vụ việc này. Thửa đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 216253 do Ủy ban nhân dân thành phố B cấp ngày 14/7/1999 là tài sản riêng ông tạo lập được trước khi kết hôn với bà H. Ông L nhận chuyển nhượng ngày 05/5/1998, trước khi kết hôn với bà H ngày 05/01/1999. Do vướng mắc thủ tục nên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp sau khi ông L kết hôn với bà H. Đây là tài sản riêng của ông L. Việc bà N giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên thì đây không phải là biện pháp bảo đảm tín chấp, cũng không thực hiện thủ tục đăng ký thế chấp theo quy định của pháp luật. Do đó, ông đề nghị Tòa án yêu cầu bà N trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cho ông.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 102/2021/DS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 161, Điều 144, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Kim N. Buộc bà Ngô Thị H có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị Kim N tổng số tiền nợ là 2.064.645.000 đồng, trong đó: Tiền nợ gốc là 1.920.600.000 đồng và 144.045.000 đồng tiền lãi (tính đến ngày 16/9/2021).

Áp dụng Điều 357 Bộ luật dân sự để tính lãi suất trong giai đoạn thi hành án khi người được thi hành án có đơn yêu cầu.

Sau khi bà H thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho bà N, bà N có nghĩa vụ trả lại cho bà Ngô Thị H và ông Nguyễn Văn L bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 216253, do Ủy ban nhân dân thành phố B cấp ngày 14/7/1999, đứng tên hộ Nguyễn Văn L; trả lại cho bà Ngô Thị H 01 chứng minh nhân dân bản gốc mang tên Ngô Thị H.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Ngô Thị H phải chịu 73.292.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Lê Thị Kim N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 34.809.000 đồng theo biên lai thu số AA/2019/0013620 ngày 28/12/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án cho các bên đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 13/10/2021, bị đơn bà Ngô Thị H kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm.

Ngày 18/10/2021, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn L có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm trả lại bì đồ cho ông, nếu không thì hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên đơn khởi kiện, bị đơn bà Ngô Thị H vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn L giữ nguyên đơn kháng cáo.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa:

- Về phần thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án cấp phúc thẩm và đương sự đã tuân thủ đầy đủ và thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Tòa án đã triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng bị đơn bà Ngô Thị H vắng mặt nên căn cứ khoản 2 Điều 312 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với nội dung kháng cáo của bà Ngô Thị H. Đối với kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn L: Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 216253 do Ủy ban nhân dân thành phố B cấp ngày 14/7/1999 cho hộ Nguyễn Văn L: Nguồn gốc lô đất này do ông L nhận chuyển nhượng của ông Cao Hữu B, bà Phi Thị Ngọc M vào ngày 05/5/1998, bà H và ông L đăng ký kết hôn vào ngày 05/01/1999. Đến ngày 14/7/1999, hộ ông L được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nên căn cứ khoản 1 Điều 33 Luật hôn nhân và gia đình thì có căn cứ xác định đây là tài sản chung của ông L bà H có trong thời kỳ hôn nhân. Đồng thời, khoản vay nợ giữa bà N với bà H là do bà N tự vay, ông L không liên quan, nên cần tuyên buộc bà N phải có trách nhiệm trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 216253 do Ủy ban nhân dân thành phố B cấp ngày 14/7/1999 mang tên hộ Nguyễn Văn L cho ông L và bà H thì mới đúng quy định pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 và Điều 309, Điều 312 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đình chỉ đối với đơn kháng cáo của bà Ngô Thị H; Chấp nhận đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn L; Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 102/2021/DS-ST ngày 16/9/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu thu thập được có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Đơn kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được nộp trong thời hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí nên hợp lệ và được Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm là phù hợp.

[2] Tòa án đã triệu tập bị đơn bà Ngô Thị H họp lệ lần thứ hai nhưng bà H vắng mặt với lý do phải điều trị ngoại trú vì bị bệnh quai bị bội nhiễm. Đây không phải là lý do bất khả kháng hay trở ngại khách quan theo quy định của pháp luật.

Căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự thì coi như bà H đã từ bỏ việc kháng cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà Ngô Thị H.

[3] Xét kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn L:

Bà Ngô Thị H và ông Nguyễn Văn L kết hôn ngày 05/01/1999, ly hôn ngày 25/5/2020. Các bên đương sự đều xác định việc vay mượn tiền giữa bà N và bà H không liên quan đến ông Nguyễn Văn L.

Trong quá trình vay tiền bà N, bà H có giao cho bà N bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 216253 do Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 14/7/1999 cho hộ Nguyễn Văn L. Việc bà H giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để bảo đảm cho khoản vay nhưng các bên không tiến hành lập hợp đồng, đăng ký, không có ý kiến của ông Nguyễn Văn L, nên không phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự.

Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc bà N có nghĩa vụ trả lại cho bà Ngô Thị H và ông Nguyễn Văn L bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 216253 sau khi bà H thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho bà N, là không có căn cứ. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn L, để buộc bà N trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cho bà H và ông L.

[4] Tuy không có kháng cáo nhưng Hội đồng xét xử xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm tuyên phần nghĩa vụ trả lãi như sau: *“Áp dụng Điều 357 Bộ luật dân sự để tính lãi suất trong giai đoạn thi hành án khi người được thi hành án có đơn yêu cầu”*, là không phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Bởi lẽ, vụ án này thuộc trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng có tranh chấp về mức lãi suất, nên phải tuyên: *“kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015”*. Do đó, Hội đồng xét xử cần sửa lại cho chính xác, đảm bảo quyền lợi của đương sự.

[5] Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà Ngô Thị H; Cần chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn L – Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 102/2021/DS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

[6] Về án phí:

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Ngô Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn bà Ngô Thị H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 296, khoản 2 Điều 308, Điều 309, khoản 2 Điều 312 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng các Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 18, khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Ngô Thị H; Chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn L – Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 102/2021/DS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Kim N. Buộc bà Ngô Thị H có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị Kim N tổng số tiền là 2.064.645.000 đồng, trong đó: Tiền nợ gốc là 1.920.600.000 đồng, tiền lãi là 144.045.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Bà Lê Thị Kim N có nghĩa vụ trả lại cho bà Ngô Thị H và ông Nguyễn Văn L bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 216253 do Ủy ban nhân dân thành phố B cấp ngày 14/7/1999 mang tên hộ Nguyễn Văn L.

Sau khi bà Ngô Thị H thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho bà Lê Thị Kim N, bà Lê Thị Kim N có nghĩa vụ trả lại cho bà Ngô Thị H 01 chứng minh nhân dân bản gốc mang tên Ngô Thị H.

3. Về án phí:

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Ngô Thị H phải chịu 73.292.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Lê Thị Kim N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 34.809.000 đồng theo biên lai thu số AA/2019/0013620 ngày 28/12/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

- Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Ngô Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được

khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 60AA/2021/0009602 ngày 29/10/2021.

Ông Nguyễn Văn L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được hoàn trả số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 60AA/2021/0009807 ngày 25/10/2021.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Tp. Buôn Ma Thuột;
- VKSND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS thành phố B;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Chung